

# Thách thức đối với sinh kế và môi trường sống của người nông dân vùng chuyển đổi đất cho khu công nghiệp\*

**VŨ ĐÌNH TÔN  
NGUYỄN THỊ HUYỀN  
VÕ TRỌNG THÀNH**

Với một đất nước có tới 73% dân số nông thôn và có tới 53,3% lao động nông nghiệp như nước ta hiện nay, việc phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ tại các vùng nông thôn có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đang lan tỏa từ các thành phố lớn ra các vùng phụ cận và vùng nông thôn. Quá trình này dẫn đến việc chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp cho xây dựng các khu công nghiệp, đồng thời cũng diễn ra quá trình chuyển dịch lao động trong lĩnh vực nông nghiệp sang các lĩnh vực khác.

Theo thống kê của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, riêng khu vực phía Bắc năm 2004 đã có 63.760 nông dân thất nghiệp do chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Bình quân hàng năm cả nước có gần 200.000 ha đất nông nghiệp bị chuyển đổi mục đích sử dụng, tương ứng mỗi hộ nông dân có khoảng 1,5 lao động mất việc làm.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đang đặt ra những thách thức không nhỏ đối với sinh kế của nông dân và chính quyền địa phương, đặc biệt là tại những nơi, những vùng có tốc độ và tỷ lệ chuyển đổi đất nông nghiệp cao.

Vấn đề đặt ra là: việc mất đất nông nghiệp cho khu công nghiệp có ảnh hưởng như thế nào đến việc làm, thu nhập và môi trường sống của người nông dân? Người dân mất đất đang xoay sở thế nào để tồn tại và phát triển? Các cấp chính quyền và doanh nghiệp đóng trên địa bàn cần phải làm gì để giúp đỡ họ ổn định cuộc sống?

Bài viết này nhằm làm sáng tỏ những vấn đề trên thông qua phân tích những thông tin thu được và lược trích một số phần chính trong kết quả nghiên cứu của dự án: Nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội tại vùng công nghiệp - đô thị hóa vùng Đồng bằng sông Hồng. Phương pháp chính được dùng trong nghiên cứu này là phỏng vấn trực tiếp các hộ nông dân và các lãnh đạo địa phương tại các vùng đang trong quá trình công nghiệp và đô thị hóa.

## 1. Tình hình thực hiện công nghiệp hóa - đô thị hóa ở Việt Nam

Công nghiệp hóa, đô thị hóa được hiểu là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ và tập trung dân cư đô thị. Tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hóa bao gồm một số nét đặc trưng cơ bản như:

- Tiến trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế, chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp;

- Tiến trình dịch chuyển cơ cấu lao động, từ nông nghiệp sang công nghiệp, nâng tỷ trọng lao động công nghiệp trên 20% và tiếp tục tăng lên;

- Tăng trưởng nhanh của dân số và đô thị hóa;

---

Vũ Đình Tôn, Nguyễn Thị Huyền, Võ Trọng Thành  
- Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

\* Nghiên cứu trường hợp xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đắt đai chuyển từ phục vụ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, kéo theo hiện tượng tăng giá đất.

Trong tiến trình công nghiệp hóa – đô thị hóa, người nông dân chính là đối tượng chịu nhiều sức ép từ việc làm, thu nhập, môi trường sống - bởi vì đô thị hóa nông thôn là một hệ quả tất yếu của quá trình công nghiệp hóa. Trước khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa ở Việt Nam diễn ra rất chậm chạp, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nặng tính bao cấp và ảnh hưởng của chiến tranh, chậm thay đổi. Sau khi chuyển đổi cơ chế kinh tế từ bao cấp sang nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa đã có những chuyển biến nhanh hơn với những đặc điểm riêng của một quốc gia đang phát triển và liên quan trực tiếp đến nhiều vấn đề như thất nghiệp, an ninh xã hội, suy thoái môi trường, ...

Tốc độ đô thị hóa ở Việt Nam khá cao: 18,5% năm 1989; 20,5% năm 1997; 23,6% năm 1999 và hiện nay đạt khoảng 25%. Dân số đô thị hiện nay khoảng hơn 22 triệu người chiếm 27% tổng dân số toàn quốc, dự báo đến năm 2010 lên tới 30,4 triệu người chiếm 33% dân số, và đến năm 2020 là 46 triệu người chiếm 45% dân số cả nước, tỷ lệ đô thị hóa trong giai đoạn phát triển bình quân hàng năm gần 2%, mạng lưới đô thị Việt Nam ngày càng được mở rộng và phát triển.

Nhiều khu công nghiệp và khu chế xuất đã hình thành ở 45 tỉnh, thành phố trong cả nước. Tính đến hết năm 2006, có 130 khu công nghiệp và khu chế xuất được xây dựng và đi vào hoạt động với tổng diện tích là 26.517 ha, trung bình có 200 ha cho một khu công nghiệp. Trong khi đó, theo quy hoạch phát triển đến năm 2010, cả nước hình thành 105 khu công nghiệp, xây dựng trên diện tích 40.000 ha và thu hút trên 5 triệu lao động. Trong 5 năm qua, các đô thị Việt Nam đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng được

sự phát triển kinh tế-xã hội của cả nước. Tỷ lệ người dân được cung cấp nước sạch đạt 75-80% dân số đô thị, tiêu chuẩn diện tích nhà ở tăng từ 6m<sup>2</sup> lên 10m<sup>2</sup>/người, tỷ lệ đói nghèo giảm từ 10% xuống còn 2-3%...

Bên cạnh những thành tựu đạt được ban đầu, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở Việt Nam với tốc độ khá nhanh đã và đang đặt ra nhiều thách thức và bất cập cần được giải quyết. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đô thị chưa tương đồng với tốc độ gia tăng dân số. Diện tích đất nông nghiệp bị chuyển đổi mục đích sử dụng khiến diện tích đất canh tác bị thu hẹp đặt ra vấn đề an toàn lương thực và sinh thái, thất nghiệp dẫn đến tình trạng di dân tự do từ nông thôn ra thành thị, làm tăng sức ép cho các đô thị, các tệ nạn xã hội phát sinh... Chẳng hạn tại Hải Dương, quá trình đô thị hóa của tỉnh diễn ra khá nhanh và tạo ra sức ép khá lớn về việc giải quyết lao động dôi dư do mất đất canh tác. Theo số liệu thống kê của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh, 4 khu công nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh Hải Dương lấy mất trên 1.000 ha đất nông nghiệp, đi kèm theo đó là 8.500 người nông dân không có việc làm.

### **2. Chuyển đổi đất nông nghiệp - tiến trình tất yếu tại một xã vùng Công nghiệp hóa - trường hợp xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương**

Cũng như nhiều xã khác của khu vực đồng bằng sông Hồng, xã Cẩm Phúc của tỉnh Hải Dương trước năm 1996 là một xã thuần nông. Trong vòng 10 năm trở lại đây xã đã tham gia vào quá trình công nghiệp hóa với việc chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, chuyển đổi phần lớn đất nông nghiệp sang đất công nghiệp. Tuy nhiên, quá trình này diễn ra mạnh mẽ vào những năm 2003 và năm 2004.

Theo số liệu thống kê năm 2005, tổng diện tích tự nhiên của xã Cẩm Phúc là 591,06 ha, trong đó đất nông nghiệp là

## Thách thức đối với ...

238,18 ha, chiếm 40,3%. Từ năm 1996 đến năm 2005, tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất công nghiệp là 146,3 ha, chiếm tỷ lệ 61,42% tổng quỹ đất nông nghiệp, tốc độ chuyển đổi đất bình quân là

14,6%/năm, tổng số hộ có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi cho khu công nghiệp tại xã là trên 1000 lượt hộ. Tỷ lệ hộ có chuyển đổi đất cho khu công nghiệp chiếm 64,5% tổng số hộ dân trong toàn xã.

**BẢNG 1: Số hộ chuyển đổi đất nông nghiệp và mức đền bù tại Cẩm Phúc**

Năm	Số đợt	Số hộ	Đơn giá (triệu đồng/sào)
1996	1	80	6,9
2001-2004	3	685	7,9
2005	2	316	12,5
<b>Tổng</b>	<b>6</b>	<b>1081</b>	-

Kết quả điều tra cho thấy bình quân nhân khẩu trên hộ ở các hộ mất đất nông nghiệp là 4,44 khẩu, hộ lớn nhất có 8 nhân khẩu và hộ nhỏ nhất có 2 nhân khẩu. Sau khi mất đất, số lao động làm nông nghiệp của các hộ điều tra giảm 42% so với trước khi mất đất. Sau khi bàn giao đất cho các doanh nghiệp, diện tích đất canh tác của các hộ giảm khá mạnh, đất canh tác bình quân nhân khẩu còn lại ở các hộ khá thấp 0,32 sào. Đây thực sự là một khó khăn cho các hộ trong việc sản xuất nông nghiệp nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

Mức giá đền bù năm 1996 mà người dân được hưởng là 6,9 triệu đồng/sào. Từ năm 2001-2004 mức giá đền bù là 7,9 triệu

đồng/sào. Đến năm 2005, mức giá đền bù tăng lên 12,5 triệu đồng/sào. Ngoài mức giá đền bù cố định như trên, các doanh nghiệp còn hỗ trợ thêm cho người dân từ 1.000đ/m<sup>2</sup> - 6.300đ/m<sup>2</sup> (mức hỗ trợ thêm chung cho tất cả các hạng đất).

**• Biến động ngành nghề của các lao động vùng chuyển đổi đất**

Đất đai chính là tư liệu sản xuất của các nông hộ, bởi vậy, việc chuyển đổi đất sẽ có những tác động nhất định đến ngành nghề sản xuất kinh doanh của hộ. Kết quả điều tra tại bảng 2 cho chúng ta thấy đã có những thay đổi đáng kể trong cơ cấu ngành nghề của các hộ nông dân trước và sau khi chuyển đổi đất tại xã Cẩm Phúc.

**BẢNG 2: Ngành nghề sản xuất kinh doanh của hộ trước và sau khi chuyển đổi đất**

Loại hình ngành nghề	Mất < 50% diện tích đất				Mất ≥ 50% diện tích đất			
	Trước		Sau		Trước		Sau	
	Hộ	%	Hộ	%	Hộ	%	Hộ	%
Thuần nông	25	69,44	12	33,33	59	71,95	19	23,17
Kiểm (nghề tổng hợp)	7	19,45	14	38,89	13	15,85	42	51,22
Phi nông nghiệp	4	11,11	10	27,78	10	12,20	12	14,63
<b>Tổng</b>	<b>36</b>		<b>36</b>		<b>82</b>		<b>82</b>	

Ngành nghề của các hộ đều chuyển biến theo hướng giảm hộ thuần nông và tăng hộ kiêm (vừa làm ruộng, vừa làm thêm ngành nghề khác) và tăng hộ phi nông nghiệp.

Đối với nhóm hộ mất trên 50% diện tích đất nông nghiệp: số hộ thuần nông giảm mạnh (48,78%) so với trước khi mất đất. Trong khi đó, số hộ kiêm tăng lên nhanh

## Thách thức đối với ...

(35,37%) so với trước khi mất đất. Số hộ kinh doanh nhỏ cũng tăng lên nhưng không nhiều (2,43%). Tương tự như nhóm hộ mất trên 50% đất nông nghiệp số hộ thuần nông ở nhóm hộ mất dưới 50% đất nông nghiệp cũng giảm mạnh (36,11%) so với trước khi mất đất. Nhóm hộ kiêm và hộ kinh doanh nhỏ đều tăng với tỷ lệ lần lượt là 19,44% và 16,67%.

Như vậy, khi diện tích đất canh tác bị giảm, một số hộ thuần nông có lợi thế về vốn hoặc có nhà mặt đường chuyển sang kinh doanh hàng tạp hóa, hoặc buôn bán nhỏ, may mặc... Những hộ trước đây đã có nghề mộc thì mở rộng thành các xưởng mộc, cơ khí nhỏ để thu hút lao động... Bên

cạnh những ngành nghề tự do như phụ hồ, lao động thuê thời vụ... thì nghề thu gom phế liệu được nhiều người tham gia, bởi đây là nghề không cần chuyên môn và đầu tư vốn, chỉ cần chiếc xe đạp và sự chăm chỉ, một lao động có thể kiếm được 20.000-50.000 đồng/ngày.

### • Thay đổi trong cơ cấu thu nhập của các hộ

Sau khi chuyển đổi một phần đất nông nghiệp, do cơ cấu ngành nghề của các nông hộ bị thay đổi dẫn tới cơ cấu thu nhập của các nhóm hộ có sự thay đổi theo. Thu nhập ở ngành trồng trọt giảm và thu nhập ở các ngành khác đều có xu hướng tăng lên.

**BẢNG 3: Cơ cấu thu nhập của các nhóm hộ điều tra**

*Đơn: triệu đồng/hộ/năm*

Chi tiêu	Nhóm hộ 1 (n=54)		Nhóm hộ 2 (n=36)		Nhóm hộ 3 (n=82)	
	S.lượng	Tỷ lệ (%)	S.lượng	Tỷ lệ (%)	S.lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>18,92</b>	<b>100</b>	<b>27,3</b>	<b>100</b>	<b>21,19</b>	<b>100</b>
1. Nông nghiệp	9,94	52,54	10,26	37,58	4,53	21,38
- Trồng trọt	4,23	22,36	3,16	11,58	1,09	5,14
- Chăn nuôi	5,71	30,18	7,1	26,01	3,44	16,23
2. Ngành nghề, DV	2,31	12,21	6,28	23,00	7,49	35,35
3. Lương lao động	3,14	16,60	5,43	19,89	5,39	25,44
4. Khác	3,53	18,65	5,33	19,53	3,78	17,83

Ghi chú Nhóm hộ 1: Hộ không mất đất nông nghiệp

Nhóm hộ 2: Hộ mất dưới 50% diện tích đất nông nghiệp

Nhóm hộ 3: Hộ mất từ 50% đất nông nghiệp trở lên

Thu nhập của các hộ không mất đất chủ yếu từ nông nghiệp chiếm 52,54%. Có thể thấy rằng nguồn thu từ nông nghiệp của các hộ mất đất vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn. Đối với các hộ mất dưới 50% diện tích đất có thu nhập từ nông nghiệp chiếm 37,58% tổng thu nhập, con số tương ứng của các hộ mất trên 50% diện tích đất là 21,38%. Do diện tích đất canh tác còn lại thấp nên các hộ đã chuyển hướng sang đầu tư cho chăn nuôi, đào ao thả cá nên vẫn cho thu nhập ổn định.

Đa số các lao động vừa làm nông nghiệp vừa đi làm thuê để tăng thêm thu nhập cho gia đình. Thu nhập từ ngành nghề dịch vụ và làm thuê của hộ mất dưới 50% diện tích đất chiếm 23% trong tổng thu nhập, tỷ lệ này ở hộ mất trên 50% diện tích đất là 35,35%. Nghề mộc là một trong những nghề phụ giải quyết việc làm cho các lao động dư thừa, ngoài ra còn một số nghề khác như nhặt phế liệu, xây, phụ vôi vữa cũng thu hút nhiều lao động tham gia.

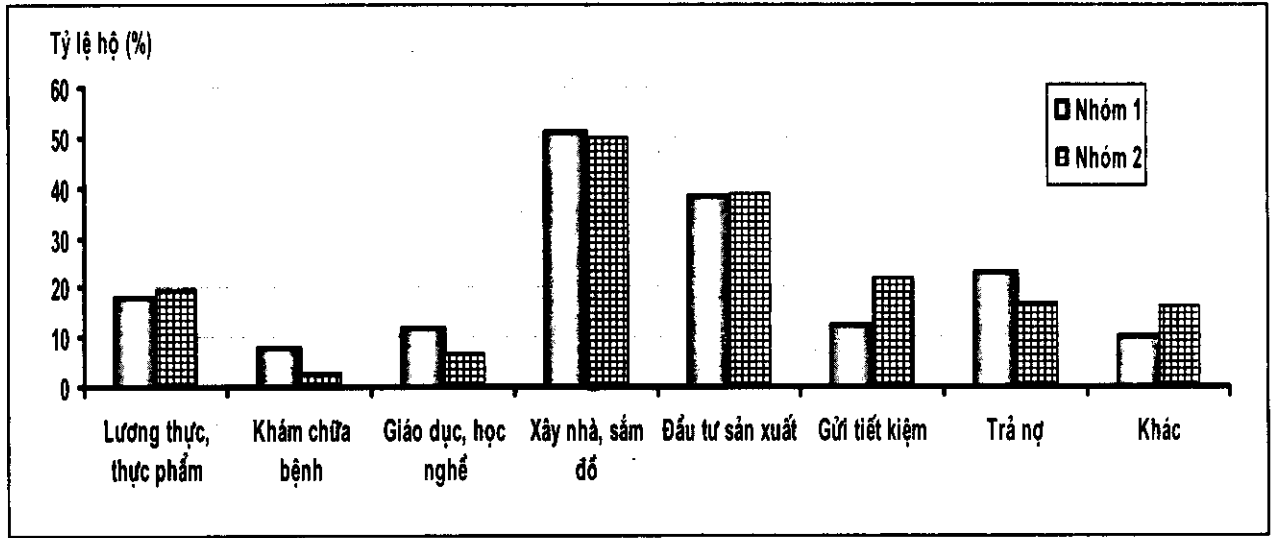
**• Tình hình sử dụng tiền đền bù từ thu hồi đất**

Sau khi bị thu hồi đất, các hộ đều có được một khoản tiền đền bù không nhỏ và đây có thể là một cơ hội tốt cho họ cải thiện đời sống. Tuy nhiên sẽ có ý nghĩa và chiến lược hơn nếu các chủ hộ biết đầu tư

vào sản xuất hoặc tìm sinh kế khác phù hợp với gia đình.

Kết quả khảo sát về các khoản mục chi tiêu từ tiền đền bù đất của các nông hộ thuộc hai nhóm hộ được thể hiện tại biểu đồ (nhóm 1 là các hộ mất đất dưới 50%; nhóm 2 mất đất trên 50 %).

**BIỂU ĐỒ: Khoản mục được chi tiêu sau khi nhận được tiền đền bù đất của các nông hộ**



Trên 50% số hộ sử dụng tiền đền bù vào việc xây sửa nhà và mua sắm đồ dùng trong gia đình như xe máy, ti vi... Việc đầu tư cho ngành nghề và tái sản xuất cũng được quan tâm, tuy nhiên mục đích đầu tư ở 2 nhóm hộ không giống nhau. Ở nhóm hộ mất dưới 50% diện tích đất nông nghiệp, hướng đầu tư chủ yếu là mở rộng quy mô chăn nuôi, đào ao thả cá. Ở nhóm hộ mất trên 50% diện tích đất, hướng đầu tư chủ yếu là phát triển ngành nghề truyền thống như xưởng mộc, hàn xì, thu gom phế liệu. Ngoài ra còn một số nghề khác cũng được các hộ đầu tư như dịch vụ hàng quán, vận tải...

Trên 10% số hộ dùng tiền đền bù cho các khoản mục khác, trong đó có những khoản chi tiêu không hợp lý như cờ bạc, lô đề, rượu chè hoặc nghiêm trọng hơn là nghiện hút. Rõ ràng việc định hướng chi tiêu cho phát triển kinh tế gia đình, hướng nghiệp

là một việc làm hết sức cấp thiết đối với các hộ nông dân.

**3. Những vấn đề đặt ra tại vùng chuyển đổi đất**

**• Khó khăn của người lao động**

\* *Trình độ học vấn, trình độ tay nghề* không đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Kết quả điều tra cho thấy, trình độ văn hóa của người lao động đa số là tốt nghiệp hết cấp II chiếm 66,81 tổng số lao động, tốt nghiệp cấp I chiếm 16,49%, tốt nghiệp cấp III chiếm 8,68%, lao động được đào tạo nghề, lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học chiếm tỷ lệ rất thấp lần lượt là 3,9%, 1,74% và 2,38%. Trong khi đó, đầu tư cho học hành và đào tạo nghề tại xã lại chưa được quan tâm. Ở nhóm hộ mất dưới 50% đất, tỷ lệ đầu tư cho học hành chỉ chiếm 13,89% tổng tiền đền bù, với nhóm hộ mất trên 50% diện tích đất, tỷ lệ này lại càng thấp hơn, chiếm 7,32%.

Đây là sự bất lợi cho các lao động khi muốn xin vào làm trong các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn xã. Bởi vì, đa số các công ty đều yêu cầu các lao động phải có trình độ văn hóa cấp III. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để các lao động có thể được nhận vào làm ổn định trong các doanh nghiệp? Chỉ có một câu trả lời duy nhất đó là mở các lớp đào tạo nghề cho lao động, giúp họ nâng cao trình độ và chủ động trong vấn đề xin việc làm.

\* *Độ tuổi của người lao động* cũng là một trở ngại nhất là với những lớn tuổi. Số lao động có độ tuổi dưới 35 tìm việc tương đối dễ dàng hơn, một số lao động được nhận vào làm ở các công ty trong địa bàn xã, một số khác đi làm thuê cho các xưởng mộc cũng trên địa bàn xã. Số lao động trên 35 tuổi khó xin việc hơn, chủ yếu chuyển sang làm các việc mang tính thời vụ như phụ vôi vữa, nhặt phế liệu...

\* *Khả năng thích ứng với công việc mới* của người nông dân chưa cao. Lâu nay người nông dân vẫn quen với công việc đồng áng, giờ giấc và thói quen làm việc tự chủ, ít bị kiểm soát. Khi được tuyển vào làm việc tại các công ty thì họ sẽ cần một thời gian dài để thích ứng, khi bị giám sát công việc và giờ giấc thì tâm lý bảo thủ, tự ti xuất hiện, dẫn đến ảnh hưởng đến công việc và kỷ luật chung. Bên cạnh đó, thời gian lao động quá dài tại một số công ty (10-12 h/ngày) với mức lương thấp (400-600 ngàn đồng/người), khiến nhiều người lao động không muốn xin vào làm.

### **• Môi trường văn hóa nông thôn**

Đối với các địa phương vùng công nghiệp và đô thị hóa, cơ sở hạ tầng được nâng cấp, các loại hình dịch vụ cũng theo đó mà phát triển, mật độ dân số tăng cao do sự chuyển dịch lao động, thu nhập của người dân được cải thiện một phần nhờ tiền đền bù đất. Tất cả những lý do trên đều dẫn tới lối sống - sinh hoạt của người dân và những vấn đề an ninh - trật tự trên

địa bàn vùng công nghiệp - đô thị hóa thay đổi.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, dân số cơ học tại Cẩm Phúc đã tăng lên, các dịch vụ như gọi đầu, cho thuê nhà trọ, quán Karaoke, quán café, ghi số đề ... đều tăng mạnh hàng năm. Rõ ràng, việc quản lý của chính quyền địa phương cần phải đổi mới để phù hợp với xu thế phát triển kinh tế và hội nhập văn hóa, nhưng cũng không bị lấn át quá mức bởi lối sống thiếu lành mạnh và coi trọng đồng tiền quá mức.

Hơn nữa, trên địa bàn xã có nhiều doanh nghiệp đến đầu tư, lao động ở khắp nơi đến làm việc dẫn đến tốc độ tăng dân số cơ học và mật độ dân số tăng nhanh, tình hình an ninh chính trị cũng biến động theo, công tác quản lý phức tạp, khó khăn. Ở các thôn mất nhiều đất, lao động dư thừa nhiều dẫn đến các tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng.

### **• Ô nhiễm môi trường**

Ô nhiễm môi trường tại các vùng công nghiệp hóa luôn là vấn đề được dư luận quan tâm. Ở nước ta, do công tác quy hoạch còn nhiều hạn chế nên xảy ra tình trạng nhiều nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp... lại nằm gần hoặc nằm sát kê khu dân cư. Vấn đề ô nhiễm môi trường càng trở nên nghiêm trọng hơn khi các công ty này lại không thực hiện tốt khâu xử lý chất thải.

Kết quả điều tra tại xã Cẩm Phúc cho thấy, trên 65% số hộ được phỏng vấn lo ngại về tình hình ô nhiễm môi trường (ô nhiễm nguồn nước ngầm, ô nhiễm nguồn nước phục vụ canh tác, khói bụi và tiếng ồn). Theo phản ánh của người dân, nước thải của một số công ty không được xử lý cẩn thận trước khi đổ thẳng ra sông. Vì vậy, nước thải đã gây ô nhiễm nước sông, làm ảnh hưởng tới chất lượng rau trồng hai bên bờ sông và những nơi phải sử dụng nước sông để tưới rau. Nhiều người dân bị

dị ứng khi tiếp xúc với nguồn nước sông. Người ta gần như không thể khai thác được nguồn lợi về cá và chăn nuôi thủy cầm trên trên đoạn sông gần nhà máy. Thêm vào đó, mùi của nước thải từ nhà máy chế biến hoa quả, khói bụi và tiếng ồn gây cảm giác khó chịu và đau đầu cho người dân.

Mặc dù nhận được sự phản ánh của người dân sống xung quanh 2 công ty này nhưng chính quyền xã cũng không làm được gì nhiều, bởi vì theo chính quyền xã cho biết: đây là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nên chính quyền xã không được vào kiểm tra, chỉ có Sở Tài nguyên Môi trường mới có thẩm quyền vào kiểm tra. Ô nhiễm môi trường còn do rác thải sinh hoạt, phân gia súc không được tập trung và xử lý gây ra.

### **• Doanh nghiệp với việc cam kết giải quyết việc làm cho nông dân**

Khi đất canh tác bị thu hẹp, nhu cầu giải quyết việc làm cho lao động địa phương trở nên cấp bách, đòi hỏi không những chính quyền địa phương mà các doanh nghiệp đóng trên địa bàn cũng cần phải có trách nhiệm gánh vác.

Qua điều tra có 67,80% số hộ nhận được cam kết của doanh nghiệp, thế nhưng chỉ có 28,81% số hộ có được hợp đồng lao động. Đây là tỷ lệ quá thấp mà lý do có thể do nhu cầu lao động đối với các công ty là hữu hạn, hơn nữa lực lượng lao động cũng bị hạn chế bởi rào cản về tuổi tác, trình độ chuyên môn và tay nghề. Một lý do nữa là tâm lý e ngại của các doanh nghiệp đối với lao động địa phương, bởi họ cho rằng lao động địa phương dễ dàng từ bỏ việc làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và kỷ luật của công ty. Do vậy, tại các khu công nghiệp và vùng đô thị hóa, việc hợp tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương có một phần trách nhiệm của các doanh nghiệp.

### **• Chính quyền địa phương và những giải pháp tình thế**

Chính quyền xã là nơi liên hệ trực tiếp với người dân, là điểm khâu nối hết sức quan trọng giữa khu vực công và tư, nơi tiến hành các quyết định của các dịch vụ công. Nhiệm vụ của xã là cung cấp những dịch vụ công có chất lượng cao và tạo môi trường tốt để cải thiện đời sống và kế mưu sinh của người dân. Vì vậy xã đóng vai trò đáng kể trong việc xóa đói giảm nghèo, định hướng và giải quyết việc làm cho người lao động trong xã. Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, tại nhiều nơi chính quyền cấp xã chưa thật sự đủ khả năng cung cấp dịch vụ công có chất lượng và cải thiện sinh kế cho người dân. Do đó, việc phối hợp hành động giữa chính quyền các cấp với nhau, giữa chính quyền với ban ngành và các hiệp hội đoàn thể là cần thiết. Đặc biệt tại các xã đang trong tiến trình công nghiệp-đô thị hóa, công việc này đòi hỏi phải linh động và cấp thiết hơn.

Tại xã Cẩm Phúc, một số cách làm của chính quyền xã mặc dù còn mang tính bị động và giải pháp tình thế, nhưng đã phần nào đáp ứng yêu cầu cấp bách tại địa phương. Chẳng hạn như mở lớp đào tạo nghề cho các lao động thanh niên, phối hợp bảo lãnh cho nông dân vay vốn từ Ngân hàng Chính sách, chuyển mục đích sử dụng đất, cho mượn một phần đất canh tác dự trữ của xã để trồng lương thực đảm bảo duy trì cuộc sống cho gia đình.

### **4. Kết luận**

Nước ta đang trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế thế giới, việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và điểm công nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Đô thị hóa nông thôn là hệ quả tất yếu của tiến trình này. Tuy nhiên, tại các vùng chuyển đổi

đất nông nghiệp, một loạt các vấn đề như sinh kế của người nông dân, môi trường kinh tế - xã hội, ô nhiễm môi trường đã và đang đặt ra những thách thức không nhỏ. Đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Hồng, nơi có mật độ dân cư đông đúc và tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng.

Nhằm làm cho môi trường kinh tế rộng mở và phát triển, xã hội đô thị lành mạnh văn minh, *công tác quy hoạch và quan điểm phát triển hệ thống* cần được đặt lên hàng đầu. Cần phải nhìn nhận và xây dựng chiến lược phát triển một cách hài hòa trong các mối liên hệ thành thị và nông thôn, công nghiệp và nông nghiệp, Nhà nước và doanh nghiệp ...

Cần phải có sự *phối hợp liên ngành* trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. Chẳng hạn như chính quyền các cấp nên tổ chức các lớp đào tạo nghề tại chỗ cho các lao động ở các hộ mất đất để họ có thể tiếp cận với cơ hội việc làm ở các doanh nghiệp trong và ngoài xã. Phối hợp với Ngân hàng Chính sách hỗ trợ kinh phí, cho vay với lãi suất ưu đãi để các hộ chuyển đổi ngành nghề, đầu tư kinh doanh, ..., mở các lớp tập huấn khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, giúp các hộ đầu tư thâm canh trên diện tích

đất còn lại để tăng thu nhập, ổn định cuộc sống./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giải pháp hỗ trợ dạy nghề và việc làm cho lao động vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 11/2006/CT-TTG ngày 27-3-2006.

2. Chương trình khuyến công đối với chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn giai đoạn 2006-2010, Bộ công nghiệp.

3. Chiến lược công nghiệp hóa lan tỏa - Chuyển đổi nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp Phạm Quang Diệu- Thời đại mới - Số 4, tháng 3-2005.

4. Công nghiệp nông thôn sau 5 năm thực hiện chương trình CNH, HĐH , Phương Thảo, Tạp chí Công nghiệp số tháng 11-2006 (tr 35).

5. Định hướng chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2006 - 2010, Lê Dương Quang, Tạp chí Công nghiệp số tháng 11-2006 (tr 28).

6. Sử dụng nguồn nhân lực nông thôn Việt Nam: thực trạng và giải pháp, Bùi Quang Bình, trang Web của Đại học Đà Nẵng: [www.ud.edu.vn](http://www.ud.edu.vn)

7. Chuyển dịch cơ cấu vùng lãnh thổ, trang Web của Bộ Kế hoạch đầu tư [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn)

8. Tài liệu Hội nghị tổng kết ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2006 và triển khai kế hoạch năm 2007.

9. Vài nét về quá trình đô thị hóa vùng ven đô TP.Hồ Chí Minh từ sau đổi mới (1986-1996), Nguyễn Thị Thủy, trang Web của Bộ xây dựng [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn)